

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C1	NGUYỄN CHÍ GIA BẢO	02/10/2005			
2	10C1	VÕ LÊ KHÁNH DUY	26/03/2005			
3	10C1	NGUYỄN HOÀNG MINH DUY	26/06/2005			
4	10C1	NGUYỄN TRÚC GIANG	05/11/2005	x		
5	10C1	TRẦN THANH HÀO	06/03/2005			
6	10C1	PHAN NGỌC BẢO HÂN	23/02/2005	x		
7	10C1	PHAN TRUNG HẬU	13/09/2005			
8	10C1	VÕ NGỌC HUỠNH	29/11/2003	x		
9	10C1	VŨ VĂN MINH KHANG	15/12/2005			
10	10C1	NGUYỄN PHÚ KHÁNH	01/06/2005			
11	10C1	NGUYỄN PHẠM GIA KIỆT	26/07/2005			
12	10C1	LÊ THỊ NGỌC LAN	15/03/2005	x		
13	10C1	NGUYỄN HOÀNG LONG	26/08/2005			
14	10C1	TRẦN BẢO NGỌC	19/07/2005	x		
15	10C1	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	08/06/2005	x		
16	10C1	VU TRẦN ÁI NHI	12/02/2005	x		
17	10C1	HUỠNH CẨM NHUNG	10/12/2005	x		
18	10C1	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	14/07/2005	x		
19	10C1	THÁI NGUYỄN BẢO NI	01/03/2005	x		
20	10C1	ĐẶNG NGUYỄN TẤN PHÁT	01/08/2005			
21	10C1	NGUYỄN THƯƠNG PHÁT	03/09/2005			
22	10C1	NGUYỄN TRẦN THANH PHONG	29/11/2005			
23	10C1	HÀ GIA PHÚC	24/10/2005			
24	10C1	PHAN MINH QUANG	16/01/2005			
25	10C1	NGUYỄN PHẠM MINH QUÂN	07/02/2005			
26	10C1	CHUNG ANH TÀI	24/04/2005			
27	10C1	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	21/02/2005	x		
28	10C1	TRINH NGUYỄN HOÀNG TẤN	29/11/2005			
29	10C1	NGUYỄN THỊ THẢO	04/09/2005	x		
30	10C1	NGUYỄN THỊ MINH THƠ	13/03/2005	x		
31	10C1	NGUYỄN ANH THU	06/01/2005	x		
32	10C1	PHẠM THỊ THUỶ TIỀN	20/10/2005	x		
33	10C1	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	25/10/2005	x		
34	10C1	HUỠNH NGỌC PHƯƠNG TRÚC	17/04/2005	x		
35	10C1	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH TRUNG	05/01/2005			
36	10C1	THIỀU VĂN TRUNG	27/09/2005			
37	10C1	NGUYỄN ANH TUYỀN	24/12/2005	x		
38	10C1	NGUYỄN LONG VŨ	10/01/2005			
39	10C1	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	09/06/2005	x		
40	10C1	TRANG CÔNG XUÂN	20/01/2005			

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C2	NGUYỄN THỊ LAN ANH	20/08/2005	x		
2	10C2	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	31/12/2005	x		
3	10C2	TRẦN GIA BẢO	31/12/2005			
4	10C2	ĐẶNG TRẦN THÀNH CÔNG	06/01/2005			
5	10C2	VÕ MINH CƯỜNG	05/03/2005			
6	10C2	LÊ THỊ THUỶ DƯƠNG	08/02/2005	x		
7	10C2	ĐỒNG XUÂN ĐẠT	06/02/2005			
8	10C2	HUỲNH HUỆ MINH GIÀU	09/01/2005			
9	10C2	TRƯƠNG VĨNH HÀO	16/03/2005			
10	10C2	PHÙNG LÊ HOÀNG	14/11/2005			
11	10C2	HUỲNH NHẬT HUY	24/02/2005			
12	10C2	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	12/11/2005	x		
13	10C2	TRƯƠNG HOÀNG KHANG	11/06/2005			
14	10C2	HOÀNG QUỐC KHANG	20/09/2005			
15	10C2	LÊ HOÀNG NHẬT KHÁNH	08/07/2005			
16	10C2	VŨ THỊ KHÁNH LINH	12/07/2005	x		
17	10C2	TRẦN NGỌC LINH	27/10/2005	x		
18	10C2	NGUYỄN LÂM CÁC LỘC	28/09/2005			
19	10C2	HỒ THỊ THANH NGÂN	24/10/2005	x		
20	10C2	TRẦN NHƯ BẢO NGỌC	16/11/2005	x		
21	10C2	LÊ PHÚC NHÂN	01/12/2005			
22	10C2	HỒNG NHẬT	10/08/2005			
23	10C2	PHẠM TÂM NHI	10/05/2005	x		
24	10C2	TẠ HOÀNG YẾN NHI	16/11/2005	x		
25	10C2	TRẦN NGÔ HOÀNG PHÚC	23/09/2005			
26	10C2	NGUYỄN CAO PHÚ QUÝ	24/09/2005			
27	10C2	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	01/06/2005	x		
28	10C2	LÊ PHƯỚC SANG	15/12/2005			
29	10C2	TRẦN TRUNG SƠN	21/07/2005			
30	10C2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/08/2005	x		
31	10C2	LÊ MINH THIÊN	18/11/2005			
32	10C2	TRẦN PHẠM QUANG THỊNH	27/09/2005			
33	10C2	TRẦN MINH THƯ	04/10/2005	x		
34	10C2	NGUYỄN PHẠM THỦY TRANG	09/10/2005	x		
35	10C2	PHẠM HÀ MAI TRẦN	08/08/2005	x		
36	10C2	HỒ MINH TRÍ	28/09/2005			
37	10C2	CAO THỊ MỸ TRINH	10/06/2005	x		
38	10C2	NGUYỄN THANH HỒNG TRÚC	16/06/2005	x		
39	10C2	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	13/06/2005			
40	10C2	NGHI ANH THỦY TUYÊN	04/01/2005	x		
41	10C2	VÕ HOÀNG VIỆT	19/02/2005			
42	10C2	LÊ HOÀNG NGUYỄN VŨ	09/04/2004			

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C3	LÊ QUỲNH ANH	22/06/2005	x		
2	10C3	NGUYỄN TUẤN ANH	27/12/2005			
3	10C3	NGUYỄN CHÂU ÂN	10/05/2005			
4	10C3	TRẦN VÕ HOÀI BẢO	23/03/2005			
5	10C3	TRẦN THANH BÌNH	07/03/2005			
6	10C3	PHẠM HỒ KIM CƯỜNG	26/10/2005	x		
7	10C3	TRẦN NGỌC DIỆP	26/03/2005	x		
8	10C3	ĐỖ THỊ HẬU	17/06/2005	x		
9	10C3	VÕ TRANG THU HIỀN	22/08/2005	x		
10	10C3	TRẦN NGỌC ANH HOA	06/03/2005			
11	10C3	NGUYỄN KIM HỒNG	17/09/2005	x		
12	10C3	NGUYỄN NHẬT HUY	08/10/2005			
13	10C3	TÔ NGỌC SONG HUỲNH	30/07/2005	x		
14	10C3	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	12/08/2005	x		
15	10C3	LÊ TRẦN BẢO KHANG	28/04/2005			
16	10C3	LƯƠNG VĨ KHANG	30/03/2005			
17	10C3	TRẦN ĐĂNG KHÔI	27/03/2005			
18	10C3	LÊ HOÀNG KHÁNH LINH	08/02/2005	x		
19	10C3	CAO HOÀNG TẤN LỘC	14/01/2005			
20	10C3	NGUYỄN KIỀU MAI	07/01/2005	x		
21	10C3	PHAN GIA MÃN	20/07/2005			
22	10C3	NGUYỄN MÃN	27/09/2005			
23	10C3	NGUYỄN HOÀNG DIỄM MY	24/08/2005	x		
24	10C3	VÕ NGỌC KIM NGÂN	13/09/2005	x		
25	10C3	TẶNG TÂM NHI	28/07/2005	x		
26	10C3	MAI THỊ XUÂN NHI	11/02/2005	x		
27	10C3	LÊ YẾN NHI	06/02/2005	x		
28	10C3	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	11/12/2005	x		
29	10C3	NGUYỄN HOÀNG GIA PHÁT	25/05/2005			
30	10C3	DIỆP HOÀNG PHÁT	29/07/2005			
31	10C3	VÕ ĐĂNG PHÚC	14/07/2005			
32	10C3	HÀNG KIM PHỤNG	27/08/2005	x		
33	10C3	ĐỖ LÊ THẠCH THẢO	08/10/2005	x		
34	10C3	LÊ ĐỨC THỊNH	14/07/2005			
35	10C3	TRẦN NGỌC ANH THƯ	31/03/2005	x		
36	10C3	NGUYỄN MINH THƯ	27/07/2005	x		
37	10C3	NGUYỄN YẾN THY	03/07/2005	x		
38	10C3	PHẠM VĂN TOÀN	07/10/2005			
39	10C3	HUỲNH DƯƠNG THANH TRÚC	19/07/2005	x		
40	10C3	VÕ THÀNH TRUNG	18/07/2005			
41	10C3	HOÀNG PHI VIỆT	06/06/2005			
42	10C3	NGUYỄN KHÁNH TƯỜNG VY	16/11/2005	x		

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C4	ĐOÀN NGỌC MINH ANH	01/10/2004	x		
2	10C4	TRANG NGỌC ANH	04/02/2005	x		
3	10C4	TRANG THANH BÌNH	23/02/2005			
4	10C4	LÊ HOÀNG KỶ DUYỀN	06/01/2005	x		
5	10C4	LẠI NGUYỄN ĐẠI	30/01/2005			
6	10C4	NGUYỄN ANH ĐỨC	19/12/2005			
7	10C4	HUỲNH THÁI HÒA	09/08/2005			
8	10C4	TRẦN KIM HUỆ	26/01/2005	x		
9	10C4	NGUYỄN TRỌNG KHA	08/09/2005			
10	10C4	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHANG	26/04/2004			
11	10C4	PHAN MINH KHOA	28/08/2005			
12	10C4	DU LÂM TUYẾT KHOA	14/12/2005	x		
13	10C4	TRẦN BẢO KHƯƠNG	04/11/2005			
14	10C4	NGUYỄN TUẤN KIẾT	04/07/2005			
15	10C4	VÕ LÊ DIỄM KIỀU	24/08/2005	x		
16	10C4	VÕ NGUYỄN MỸ KIM	07/11/2005	x		
17	10C4	KIỀU PHƯƠNG LINH	10/05/2005	x		
18	10C4	TRẦN BÍCH LOAN	30/04/2005	x		
19	10C4	LÝ THỊ TUYẾT MAI	01/03/2005	x		
20	10C4	VÕ KIM NGÂN	29/01/2005	x		
21	10C4	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG NGUYỄN	04/12/2005	x		
22	10C4	TRẦN VÕ KIM NHI	06/07/2005	x		
23	10C4	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	04/11/2005	x		
24	10C4	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	22/10/2005	x		
25	10C4	PHẠM TẤN PHÁT	25/02/2005			
26	10C4	CHÂU HOÀNG PHÚC	03/11/2005			
27	10C4	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11/11/2005			
28	10C4	HUỲNH THỊ MỸ PHƯƠNG	09/09/2005	x		
29	10C4	ĐẶNG CHÂU HOÀNG QUYÊN	18/11/2005	x		
30	10C4	NGUYỄN HỮU SANG	02/06/2005			
31	10C4	NGUYỄN TẤN THÁI SƠN	26/07/2005			
32	10C4	KIỀU THANH TÂM	03/11/2005			
33	10C4	NGUYỄN THANH THẢO	12/12/2005	x		
34	10C4	NGUYỄN ĐẶNG HẢI THỦY	22/02/2005	x		
35	10C4	TRƯƠNG NGỌC THƯ	27/09/2005	x		
36	10C4	ĐỖ TẠ ANH TRÚC	21/06/2005	x		
37	10C4	NGUYỄN HUY TRÚC	12/02/2005			
38	10C4	HUỲNH HOÀNG TRUNG	16/09/2005			
39	10C4	HUỲNH NGUYỄN TRUNG TRỰC	25/02/2005			
40	10C4	NGUYỄN DIỆU NHẢ UYÊN	12/10/2005	x		
41	10C4	DƯƠNG QUỐC VINH	02/07/2005			
42	10C4	TÔ NGUYỄN LÊ VY	15/11/2005	x		

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C5	NGUYỄN HOÀNG ÂN	03/01/2004		10C5	LB
2	10C5	HUỲNH GIA BẢO	05/01/2005			
3	10C5	TRƯƠNG MỸ DUYÊN	05/03/2005	x		
4	10C5	ĐOÀN THỊ THUỶ DƯƠNG	20/09/2005	x		
5	10C5	HUỲNH PHÁT ĐẠT	11/06/2005			
6	10C5	HỒ TIẾN ĐẠT	05/09/2005			
7	10C5	LÂM TIẾN HÀO	12/09/2005			
8	10C5	PHẠM NGUYỄN GIA HÙNG	18/07/2005			
9	10C5	SÂM KALOOS	21/05/2005			
10	10C5	PHẠM TRÍ KHANG	09/07/2005			
11	10C5	LƯƠNG ĐĂNG KHOA	16/05/2005			
12	10C5	VÔ LÊ MỸ KHUYÊN	27/06/2005	x		
13	10C5	HUỲNH TẤN KIỆT	06/05/2005			
14	10C5	TRỊNH KIM	23/02/2005	x		
15	10C5	LÊ THỊ BÍCH LOAN	02/05/2005	x		
16	10C5	MAI HOÀNG LONG	09/11/2005			
17	10C5	HÀ MÃN MÃN	14/10/2005	x		
18	10C5	DƯƠNG QUANG MINH	12/06/2005			
19	10C5	TRẦN NGUYỄN THẢO MY	05/08/2005	x		
20	10C5	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	15/10/2005	x		
21	10C5	PHẠM HỒNG XUÂN NGHI	01/11/2005	x		
22	10C5	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	01/09/2005	x		
23	10C5	HỨA KIM PHÁT	14/11/2004		10C6	LB
24	10C5	NGUYỄN TẤN PHÚC	11/02/2005			
25	10C5	VÔ THANH PHÚC	01/12/2005			
26	10C5	LÊ DƯƠNG VĂN PHÚC	13/03/2005			
27	10C5	HUỲNH HOÀNG PHƯƠNG	26/08/2005			
28	10C5	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG	14/12/2004	x		
29	10C5	LÊ THÀNH QUÝ TÂM	21/06/2005			
30	10C5	NGUYỄN HỒNG THIỆN	18/04/2005			
31	10C5	LÊ QUỐC THIỆN	16/04/2005			
32	10C5	VŨ ĐỨC THỊNH	15/08/2005			
33	10C5	TRẦN MINH THUẬN	11/05/2005			
34	10C5	BÙI NGỌC MINH THƯ	22/12/2005	x		
35	10C5	ĐOÀN HOÀNG TIỀN	28/09/2005	x		
36	10C5	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	24/01/2005			
37	10C5	TRẦN THÀNH TRUNG	09/12/2005			
38	10C5	DƯƠNG THỊ MỘNG TUYỀN	19/12/2005	x		
39	10C5	NGUYỄN LÝ GIA TƯỜNG	23/08/2005	x		
40	10C5	PHẠM HUỲNH NGỌC UYÊN	21/02/2005	x		
41	10C5	HUỲNH NHẬT VI	23/04/2005	x		

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C6	THÂN GIA BẢO	31/03/2004		10C8	LB
2	10C6	ĐẶNG NGỌC MINH CHÂU	29/03/2005	x		
3	10C6	HUỲNH TẤN DŨNG	16/06/2005			
4	10C6	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	18/03/2005	x		
5	10C6	TRẦN THỊ THÚY ĐÀO	07/01/2005	x		
6	10C6	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	24/05/2005			
7	10C6	LÊ VĂN GIÀU	19/11/2005			
8	10C6	NGUYỄN GIA HUY	06/04/2005			
9	10C6	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	20/10/2005	x		
10	10C6	DIỆP ĐĂNG KHOA	04/04/2005			
11	10C6	ĐẶNG VIỆT KHÔI	24/09/2005			
12	10C6	TRỊNH THUY ÁNH LINH	21/01/2005	x		
13	10C6	TRẦN THỊ THANH LOAN	06/11/2005	x		
14	10C6	NGUYỄN HOÀNG CẨM MY	28/05/2005	x		
15	10C6	HỒ THỊ NGỌC MỸ	20/07/2005	x		
16	10C6	HỒ NGUYỄN MINH NGHĨA	02/12/2005			
17	10C6	THÁI CHẤN NGUYỄN	31/03/2005			
18	10C6	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	05/01/2005			
19	10C6	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	10/10/2005	x		
20	10C6	NGUY NHUNG	06/06/2004	x		
21	10C6	MAI THỊ TUYẾT NHUNG	14/04/2005	x		
22	10C6	NGUYỄN TẤN PHÁT	29/05/2005	x		
23	10C6	VÕ THỊ HỒNG PHÚC	07/04/2005	x		
24	10C6	DƯƠNG QUANG PHÚC	04/03/2005			
25	10C6	DIỆU THÀNH PHƯỚC	27/07/2005			
26	10C6	HUỲNH TÚ QUYÊN	08/04/2005	x		
27	10C6	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	17/11/2005	x		
28	10C6	BÙI XUÂN THÀNH	29/11/2005			
29	10C6	TRẦN THỊ BÉ THẢO	20/01/2003	x	10C6	LB
30	10C6	ĐỖ NGỌC THẢO	13/09/2005	x		
31	10C6	TRẦN LÂM NGỌC THI	22/06/2005	x		
32	10C6	VÕ THÀNH THIÊN	01/03/2005			
33	10C6	NGUYỄN MINH THUẬN	26/11/2005			
34	10C6	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	30/12/2005	x		
35	10C6	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	07/07/2005	x		
36	10C6	TRẦN THỊ XUÂN TRANG	25/10/2005	x		
37	10C6	PHẠM CÔNG TRƯỞNG	13/08/2005			
38	10C6	NGUYỄN KHÁNH TUẤN	13/08/2004			
39	10C6	LƯƠNG THỊ GIẢNG TUYẾT	11/04/2005	x		
40	10C6	TẠ LÊ KHÁNH UYÊN	20/04/2005	x		
41	10C6	PHAN THỊ THANH VÂN	27/01/2005	x		
42	10C6	TRẦN TRIỆU YẾN VY	05/10/2005	x		

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	10C7	NGUYỄN QUỐC BÌNH	11/08/2005			
2	10C7	ĐỖ NGUYỄN MINH CHÂU	10/09/2005			
3	10C7	NGUYỄN CHÍ CUỒNG	19/01/2005			
4	10C7	TRƯƠNG KIM DUYỀN	22/10/2005	x		
5	10C7	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	09/03/2005			
6	10C7	CAO ĐA HÂN	20/10/2005	x		
7	10C7	LÊ THỊ HIỀN	03/06/2005	x		
8	10C7	NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG	13/12/2005	x		
9	10C7	HUỖNH ĐỨC HUY	13/11/2005			
10	10C7	TRỊNH THANH HUYỀN	30/11/2005	x		
11	10C7	DƯƠNG NGUYỄN DUY KHÁNH	01/11/2005			
12	10C7	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	17/04/2005			
13	10C7	TRẦN PHI LONG	11/09/2005			
14	10C7	BINDI DHARMESH MODI	15/11/2005	x		
15	10C7	NGUYỄN LINH THẢO MY	23/04/2005	x		
16	10C7	CHÂU THOẠI MỸ	08/02/2005	x		
17	10C7	TRẦN VĂN NAM	27/02/2005			
18	10C7	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	04/07/2005	x		
19	10C7	MAI THỊ HỒNG NGỌC	16/08/2005	x		
20	10C7	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	11/07/2004		10C5	LB
21	10C7	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	25/12/2005	x		
22	10C7	THÁI HOÀNG PHÚC	28/07/2005			
23	10C7	TRẦN TẤN PHÚC	12/12/2005			
24	10C7	TRẦN THANH PHÚC	06/06/2005			
25	10C7	NGUYỄN CHÍ QUANG	25/09/2005			
26	10C7	TRƯƠNG THỊ THUÝ QUỲNH	20/11/2005	x		
27	10C7	NGUYỄN HOÀNG HỮU TÀI	01/06/2005			
28	10C7	LÂM QUỐC THÁI	03/10/2005			
29	10C7	THÁI MINH THÀNH	10/05/2005			
30	10C7	NGÔ HOÀNG THIỆN	28/09/2005			
31	10C7	NGUYỄN DƯƠNG MINH THUẬN	11/08/2003		10C7	LB
32	10C7	TRẦN THỊ PHƯƠNG THUỶ	26/02/2005	x		
33	10C7	NGUYỄN HOÀNG THƯƠNG	28/11/2005			
34	10C7	DƯƠNG THỊ HỒNG THY	06/04/2005	x		
35	10C7	NGUYỄN VĂN TIẾN	11/07/2004			
36	10C7	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂN	01/06/2005	x		
37	10C7	NGUYỄN PHƯỚC TRỌNG	10/04/2005			
38	10C7	LÊ VĨNH TƯỜNG	21/12/2005			
39	10C7	NGUYỄN THỊ NGỌC UYÊN	19/04/2005	x		
40	10C7	ĐỖ THUY VÂN	03/09/2005	x		
41	10C7	LÊ THỊ NGỌC YẾN	20/02/2005	x		

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B1	NGUYỄN THANH ÂN	26/01/2004		10C6	
2	11B1	ĐỖ THÀNH ĐẠT	19/10/2004		10C1	
3	11B1	VÕ THÀNH ĐẠT	05/03/2004		10C1	
4	11B1	LÊ HUỖNH ĐỨC	19/05/2004		10C1	
5	11B1	NGÔ THỊ HỒNG GẮM	20/05/2004	x	10C2	
6	11B1	LA QUỐC HOÀNG GIANG	11/09/2004		10C1	
7	11B1	DƯƠNG BẢO HÂN	13/06/2002	x	10C1	
8	11B1	NGUYỄN QUỐC HUY	20/10/2004		10C8	
9	11B1	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	18/10/2004	x	10C3	
10	11B1	LÊ NGUYỄN ĐĂNG KHOA	16/06/2004		10C4	
11	11B1	BÙI THỊ NHƯ LAN	15/02/2004	x	10C1	
12	11B1	NGUYỄN HÀ THANH MAI	04/08/2004	x	10C5	
13	11B1	LÊ MINH MUÔN	30/10/2004		10C1	
14	11B1	LẠI THỊ KIM NGỌC	10/03/2004	x	10C1	
15	11B1	TRẦN HẠNH NHI	26/05/2004	x	10C1	
16	11B1	LÊ NGUYỄN QUỲNH NHI	29/12/2004	x	10C1	
17	11B1	NGUYỄN Ý NHI	08/11/2004	x	10C1	
18	11B1	NGUYỄN HỒNG NHUNG	02/06/2004	x	10C3	
19	11B1	VÕ MINH PHỤNG	25/03/2004		10C1	
20	11B1	LÊ HỒNG PHƯƠNG	15/11/2004	x	10C1	
21	11B1	NGUYỄN THỊ THANH SEN	29/04/2004	x	10C3	
22	11B1	PHẠM QUỐC TÂN	22/04/2004		10C1	
23	11B1	LÊ THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	x	10C1	
24	11B1	ĐOÀN THỊ KIM THOA	27/03/2004	x	10C1	
25	11B1	VÕ MINH THƯ	18/04/2004	x	10C4	
26	11B1	NGUYỄN HOÀNG BẢO THY	19/12/2004	x	10C1	
27	11B1	TRẦN THỊ CẨM TIÊN	01/10/2004	x	10C1	
28	11B1	PHẠM NGUYỄN THANH TRÚC	23/06/2004	x	10C1	
29	11B1	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH UYÊN	05/05/2004	x	10C1	
30	11B1	VĂN MỸ UYÊN	18/08/2004	x	10C1	
31	11B1	PHẠM NGUYỄN NGỌC UYÊN	12/11/2004	x	10C6	
32	11B1	ĐOÀN THẢO UYÊN	17/11/2004	x	10C1	
33	11B1	ĐẶNG TRẦN THANH VÂN	22/04/2004	x	10C1	
34	11B1	LẠI THỊ KHÁNH VY	26/07/2004	x	10C1	
35	11B1	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VY	10/04/2004	x	10C7	
36	11B1	PHAN THỊ TƯỜNG VY	29/06/2004	x	10C5	
37	11B1	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/05/2004	x	10C1	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B2	LÝ NGỌC BÍCH	11/11/2004	x	10C5	
2	11B2	NGÔ THỊ THÚY CHÂU	14/09/2004	x	10C1	
3	11B2	PHAN CÔNG CHỨC	09/08/2004		10C7	
4	11B2	NGUYỄN THÀNH DANH	05/04/2004		10C6	
5	11B2	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	25/01/2003	x	10C6	
6	11B2	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	07/12/2004	x	10C8	
7	11B2	TRẦN MINH ĐỨC	26/01/2004		10C1	
8	11B2	LÂM VĂN HẢI	12/04/2004		10C1	
9	11B2	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HẰNG	07/11/2004	x	10C7	
10	11B2	NGUYỄN DƯƠNG THANH HIẾU	25/05/2004		10C1	
11	11B2	THÁI PHẠM MY HOÀN	06/02/2004	x	10C1	
12	11B2	NGUYỄN LÊ HÙNG	07/10/2004		10C1	
13	11B2	LÊ NGỌC QUỲNH HƯƠNG	17/01/2004	x	10C1	
14	11B2	CAO BẢO LONG	09/02/2004		10C1	
15	11B2	NGUYỄN THÀNH LONG	06/02/2004		10C4	
16	11B2	LÝ KIM NGÂN	17/08/2004	x	10C3	
17	11B2	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG NGHI	16/08/2004	x	10C7	
18	11B2	NGUYỄN NGỌC NHI	07/06/2004	x	10C1	
19	11B2	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	08/11/2004	x	10C4	
20	11B2	LỘ THỊ CẨM NHUNG	15/10/2003	x	10C8	
21	11B2	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	18/12/2004	x	10C8	
22	11B2	NGUYỄN THANH PHONG	27/11/2004		10C1	
23	11B2	LẠI THỊ KIM QUYÊN	20/03/2004	x	10C2	
24	11B2	HUỲNH THỊ HỒNG THI	19/04/2004	x	10C8	
25	11B2	ĐẶNG THỊ THU THỦY	30/09/2004	x	10C1	
26	11B2	PHAN NGUYỄN HOÀNG THƯ	18/06/2004	x	10C3	
27	11B2	NGUYỄN THỊ BÉ TRANG	10/12/2004	x	10C1	
28	11B2	TRẦN THỊ ANH TRÚC	02/11/2004	x	10C1	
29	11B2	HUỲNH PHƯƠNG TRÚC	10/12/2004	x	10C5	
30	11B2	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	13/07/2004		10C1	
31	11B2	LÝ THANH TUYỀN	04/06/2004	x	10C7	
32	11B2	PHẠM NGỌC THÚY VY	25/07/2004	x	10C1	
33	11B2	ĐÀO THỊ THÚY VY	17/07/2004	x	10C4	
34	11B2	TRƯƠNG NHẬT Ý VY	27/02/2004	x	10C1	
35	11B2	ĐỖ THỊ NGỌC YẾN	04/07/2004	x	10C1	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B3	DƯƠNG QUỲNH ANH	27/11/2004	x	10C5	
2	11B3	TRƯỜNG GIA BẢO	25/09/2004		10C2	
3	11B3	ĐẶNG THANH DOANH	17/06/2004	x	10C7	
4	11B3	LẠI KHÁNH THÀNH ĐẠT	26/03/2004		10C2	
5	11B3	TRẦN THÀNH ĐẠT	06/04/2004		10C5	
6	11B3	ĐÀO VĂN ĐỘ	22/03/2004		10C2	
7	11B3	NGUYỄN HỒ HẢI ĐÔNG	13/12/2004		10C2	
8	11B3	ĐẶNG THÀNH ĐỨC	03/11/2004		10C1	
9	11B3	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	01/07/2004	x	10C2	
10	11B3	NGUYỄN PHAN TRUNG HẬU	28/05/2004		10C2	
11	11B3	LÊ NGỌC HIỀN	19/04/2004	x	10C2	
12	11B3	NGUYỄN CHUNG MINH HIẾU	25/01/2004		10C2	
13	11B3	LƯ' TRỊNH HUY HOÀNG	09/03/2004		10C2	
14	11B3	SỖ NHẬT HUY	06/03/2004		10C2	
15	11B3	VÕ THỊ THU HUYỀN	11/03/2004	x	10C2	
16	11B3	ĐỖ HỮU TRUNG KIÊN	23/03/2004		10C2	
17	11B3	ĐỖ LÊ TRUNG KIÊN	08/11/2004		10C2	
18	11B3	NGUYỄN TUẤN KIẾT	19/03/2004		10C2	
19	11B3	TRƯỜNG THỊ THÚY KIỀU	27/05/2004	x	10C2	
20	11B3	TRẦN HỒ KỶ	11/10/2004		10C2	
21	11B3	LẠI HOÀNG LỘC	06/08/2004		10C2	
22	11B3	TRÀ TRẦN TẤN LỘC	12/06/2004		10C2	
23	11B3	NGUYỄN HỮU LUÂN	10/11/2004		10C2	
24	11B3	NGUYỄN XUÂN MẠNH	22/12/2004		10C2	
25	11B3	MAI THỊ HÀ MY	26/03/2004	x	10C2	
26	11B3	NGUYỄN TRẦN HIẾU NGỌC	30/12/2004	x	10C2	
27	11B3	BÙI GIA NHỰT	17/08/2004		10C2	
28	11B3	VÕ HOÀNG PHONG	25/11/2003		10C2	
29	11B3	PHẠM XUÂN PHONG	13/03/2004		10C2	
30	11B3	LÊ NGỌC PHÚ	07/05/2004		10C2	
31	11B3	VÕ VĂN THÁI	16/12/2004		10C5	
32	11B3	TRIỆU ANH THƯ'	27/09/2004	x	10C5	
33	11B3	HOÀNG TIẾN	26/03/2004		10C2	
34	11B3	TRẦN MINH TÍNH	09/10/2004		10C2	
35	11B3	TRẦN THỊ THU TRANG	06/04/2004	x	10C7	
36	11B3	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	02/11/2004	x	10C2	
37	11B3	ĐOÀN THỊ THU VÂN	17/11/2004	x	10C5	
38	11B3	NGUYỄN THÁI NGỌC VY	09/04/2004	x	10C7	
39	11B3	TRẦN KHÁNH XUÂN	22/10/2004	x	10C2	
40	11B3	TỔNG THỊ HOÀNG YẾN	16/10/2004	x	10C2	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B4	LÊ THỊ CẨM AN	31/07/2004	x	10C3	
2	11B4	VÕ HUỖNH GIA BẢO	28/07/2004		10C3	
3	11B4	TRỊNH HOÀI BẢO	06/08/2004		10C7	
4	11B4	NGUYỄN CAO KỶ DUYÊN	08/02/2004	x	10C7	
5	11B4	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	17/09/2004		10C7	
6	11B4	CAO CHÍ HÀO	22/07/2004		10C3	
7	11B4	MAI THANH HẰNG	11/10/2004	x	10C3	
8	11B4	VŨ GIA HÂN	27/08/2004	x	10C3	
9	11B4	ĐỖ THỊ NGỌC HÂN	06/12/2003	x	10C3	
10	11B4	TRẦN TÂN HOAN	05/10/2004		10C3	
11	11B4	NGUYỄN MINH HOÀNG	08/06/2004		10C3	
12	11B4	NGUYỄN DUY AN KHUÔNG	01/12/2004		10C3	
13	11B4	PHẠM ỨT XUÂN LAN	10/09/2004	x	10C3	
14	11B4	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	29/04/2004	x	10C3	
15	11B4	NGÔ THỊ THUỖ LINH	25/11/2004	x	10C3	
16	11B4	NGUYỄN THÀNH LONG	22/09/2004		10C3	
17	11B4	CAO MINH LỢI	22/12/2004		10C3	
18	11B4	CAO NGUYỄN ANH MẠNH	28/05/2004		10C3	
19	11B4	NGUYỄN PHAN HOÀI MINH	10/09/2004		10C3	
20	11B4	CAO TRỌNG NGHĨA	09/12/2004		10C3	
21	11B4	SEN THANH NGỌC	30/08/2004	x	10C5	
22	11B4	NGUYỄN MINH NHẬT	06/12/2004		10C3	
23	11B4	TRỊNH HOÀNG TUYẾT NHI	26/03/2004	x	10C5	
24	11B4	NGUYỄN LÊ UYÊN NHI	10/08/2004	x	10C3	
25	11B4	NGUYỄN NGỌC YÊN NHI	12/06/2004	x	10C3	
26	11B4	NGUYỄN THỊ YẾN NHƯ	02/08/2004	x	10C3	
27	11B4	NGUYỄN PHỤNG HỒNG PHÁT	16/02/2004		10C5	
28	11B4	NGUYỄN NGỌC PHÁT	06/10/2004		10C3	
29	11B4	HUỖNH THÀNH PHÁT	07/11/2004		10C3	
30	11B4	LÊ NGỌC PHÚ	06/04/2004		10C3	
31	11B4	HUỖNH THANH PHÚ	25/11/2003		10C5	
32	11B4	HUỖNH LÊ KIM PHÚC	22/04/2004	x	10C5	
33	11B4	TRẦN NGỌC PHÚC	30/06/2004		10C3	
34	11B4	TRẦN TẮC QUYỀN	18/09/2004		10C3	
35	11B4	LÊ THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	x	10C3	
36	11B4	VƯƠNG LÊ HIỀN THỰC	27/10/2004	x	10C3	
37	11B4	TỬ GIANG THÙY	25/10/2003	x	10C3	
38	11B4	NGUYỄN NGỌC MINH THU	01/12/2004	x	10C7	
39	11B4	ĐẶNG KIM TRÚC	28/12/2004	x	10C5	
40	11B4	NGUYỄN MINH TUẤN	15/01/2004		10C7	
41	11B4	TRẦN MINH THỂ TUẤN	27/01/2004		10C3	
42	11B4	LÊ CÔNG VINH	11/03/2004		10C3	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B5	NGUYỄN HOÀNG AN	16/11/2004		10C4	
2	11B5	TRẦN ANH BẢO	13/12/2004		10C4	
3	11B5	TRƯƠNG ANH BẢO	12/09/2004		10C4	
4	11B5	NGUYỄN HOÀNG DINH	24/09/2004		10C4	
5	11B5	LÂM THÀNH ĐẠT	10/07/2004		10C4	
6	11B5	BÙI TIẾN ĐẠT	16/08/2004		10C7	
7	11B5	ĐỖ HỮU THIÊN CHẤN ĐÔNG	26/05/2004		10C7	
8	11B5	NGUYỄN HOÀNG THANH HẢI	11/04/2004		10C4	
9	11B5	THÁI THỊ BẢO HÂN	14/10/2004	x	10C7	
10	11B5	LÊ THỊ NGỌC HÂN	05/05/2004	x	10C4	
11	11B5	NGÔ THỊ CẨM HỒNG	20/02/2004	x	10C4	
12	11B5	NGUYỄN VĂN HÙNG	14/10/2004		10C5	
13	11B5	MOHA MACH KASIM	10/04/2004		10C5	
14	11B5	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004		10C4	
15	11B5	TRẦN NGỌC LAN	04/11/2004	x	10C4	
16	11B5	DƯƠNG THÀNH LONG	06/04/2004		10C4	
17	11B5	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	06/08/2004		10C7	
18	11B5	QUÁCH TÚ NGÀ	05/12/2004	x	10C7	
19	11B5	NGUYỄN KIỀU NGÂN	25/08/2004	x	10C4	
20	11B5	TRẦN KIM NGÂN	28/11/2004	x	10C4	
21	11B5	VÕ THỊ THANH NGÂN	20/06/2004	x	10C4	
22	11B5	TRẦN THỊ TUYẾT NGÂN	13/07/2004	x	10C4	
23	11B5	LÊ TRỌNG NGHĨA	28/10/2004		10C4	
24	11B5	NGUYỄN TRẦN TRỌNG NHÂN	18/05/2004		10C4	
25	11B5	NGUYỄN MINH NHẬT	21/12/2003		10C4	
26	11B5	NGUYỄN THANH TUYẾT NHI	26/11/2004	x	10C4	
27	11B5	LÂM UYÊN NHI	22/05/2004	x	10C7	
28	11B5	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH NHƯ	07/10/2004	x	10C4	
29	11B5	NGUYỄN THỊ TUYẾT OANH	08/10/2004	x	10C4	
30	11B5	NGUYỄN NGỌC PHÚ	26/05/2004		10C4	
31	11B5	NGUYỄN VĂN PHÚ	08/02/2004		10C7	
32	11B5	NGUYỄN VỸ PHÚC	24/07/2004		10C5	
33	11B5	ĐỖ HUY PHƯỚC	26/10/2004		10C4	
34	11B5	PHẠM NGÔ SỸ QUYẾT	08/12/2004		10C4	
35	11B5	NGUYỄN THÀNH TÀI	08/11/2004		10C4	
36	11B5	NGÔ KHAI THÀNH	14/01/2004		10C4	
37	11B5	ĐOÀN THỊ THANH THỦY	14/08/2004	x	10C4	
38	11B5	LÝ ANH THU	09/06/2004	x	10C4	
39	11B5	CHÂU KIỀU TIÊN	16/09/2004	x	10C4	
40	11B5	NGUYỄN NGỌC THUỶ TIÊN	12/11/2004	x	10C4	
41	11B5	PHẠM THỊ THU TRANG	19/12/2004	x	10C5	
42	11B5	NGUYỄN NGỌC KIM YẾN	30/10/2003	x	10C4	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B6	LÊ THỊ KIỀU ANH	01/11/2004	x	10C7	
2	11B6	LÝ THIÊN BẢO	30/01/2004		10C6	
3	11B6	ĐÀO LINH CHUÔNG	28/07/2004		10C6	
4	11B6	VÕ NGỌC THỦY DUNG	11/05/2004	x	10C6	
5	11B6	BÙI PHONG ĐẠT	24/10/2004		10C7	
6	11B6	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/12/2004		10C6	
7	11B6	DƯƠNG GIA HẢO	29/08/2004		10C6	
8	11B6	TRỊNH GIA HẢO	16/02/2004		10C6	
9	11B6	TRẦN TRUNG HẬU	04/09/2004		10C5	
10	11B6	TRẦN LƯU TRUNG HOÀNG	23/06/2004		10C7	
11	11B6	NGUYỄN HỮU HUÂN	29/04/2004		10C6	
12	11B6	TRẦN HOÀNG KHANG	27/06/2004		10C6	
13	11B6	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHOA	24/09/2004		10C7	
14	11B6	NGUYỄN THANH KHÔI	17/12/2004		10C5	
15	11B6	TRIỆU THỊ YẾN LINH	30/03/2004	x	10C6	
16	11B6	PHẠM PHÚ LỘC	22/08/2004		10C7	
17	11B6	NGUYỄN CÔNG MINH	03/12/2004		10C6	
18	11B6	HUỲNH DIỆP THÀNH NHÂN	03/04/2004		10C5	
19	11B6	HUỲNH TIẾN PHÁT	09/01/2004		10C6	
20	11B6	NGÔ ĐÔNG LÊ PHONG	23/09/2004		10C6	
21	11B6	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	10/10/2003		10C5	
22	11B6	LÊ HỒ NHƯ QUỲNH	13/09/2004	x	10C6	
23	11B6	LÊ THIẾT SANG	10/06/2003		10C6	
24	11B6	PHAN GIA TÀI	01/12/2004		10C6	
25	11B6	NGÔ THANH TÂM	29/09/2004		10C6	
26	11B6	NGUYỄN THANH THẢO	04/06/2004	x	10C6	
27	11B6	NGUYỄN QUỐC THẮNG	19/08/2003		10C6	
28	11B6	DƯƠNG THỊ MINH THỊ	02/04/2004	x	10C5	
29	11B6	HUỲNH THỊ KIM THIÊN	12/11/2004	x	10C6	
30	11B6	ĐẶNG LÊ HUY THỊNH	11/10/2004		10C6	
31	11B6	TRẦN CAO HOÀI THƯƠNG	01/04/2004	x	10C6	
32	11B6	TRẦN NGÔ NGỌC HỒNG THY	20/10/2004	x	10C6	
33	11B6	HUỲNH BẢO TOÀN	06/01/2004		10C6	
34	11B6	PHẠM THỊ ĐOAN TRANG	16/12/2004	x	10C5	
35	11B6	TRẦN NGỌC THU TRANG	01/03/2004	x	10C7	
36	11B6	DƯƠNG THẠCH BẢO TRÂN	01/01/2004	x	10C6	
37	11B6	NGUYỄN ANH TRÍ	13/04/2004		10C6	
38	11B6	ĐÀO TRỌNG TUẤN	20/04/2004		10C6	
39	11B6	NGUYỄN THỊ THANH VY	04/05/2004	x	10C7	
40	11B6	ĐỖ THUY THANH XUÂN	12/07/2004	x	10C6	
41	11B6	TRẦN VÔ HOÀNG YẾN	25/08/2004	x	10C6	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11B7	HÀ HUỖNH THÚY AN	18/11/2004	x	10C8	
2	11B7	NGUYỄN NGỌC BẢO ÂN	14/11/2004		10C8	
3	11B7	DƯƠNG VĂN CỎ	24/08/2004		10C5	
4	11B7	ĐỖ HIẾU CƯỜNG	01/05/2004		10C5	
5	11B7	LA TUẤN CƯỜNG	02/02/2004		10C7	
6	11B7	LÊ TRỊNH HOÀNG DANH	12/08/2004		10C8	
7	11B7	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	15/02/2004	x	10C8	
8	11B7	PHAN HÙNG DŨNG	21/06/2004		10C7	
9	11B7	NGUYỄN TIẾN DŨNG	20/08/2004		10C8	
10	11B7	NGUYỄN MINH DUY	24/03/2004		10C8	
11	11B7	PHÙNG XUÂN ĐÔNG	11/01/2003		10C8	
12	11B7	SEN THANH HÀ	30/08/2004	x	10C8	
13	11B7	THẠCH THỊ KIỀU HOA	16/03/2003	x	10C7	
14	11B7	NGUYỄN ĐÌNH HOAN	05/02/2004			
15	11B7	NGÔ MINH HÙNG	25/01/2004		10C8	
16	11B7	NGUYỄN KHÁNH HUY	06/04/2004		10C8	
17	11B7	DƯƠNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	06/04/2004	x	10C8	
18	11B7	NGUYỄN HOÀNG DUY KHANH	03/08/2004		10C8	
19	11B7	NGUYỄN TRUNG KIÊN	06/03/2004		10C5	
20	11B7	NGUYỄN HOÀNG MINH LOAN	30/11/2003	x	10C8	
21	11B7	LẠI HOÀNG LỢI	06/08/2004		10C5	
22	11B7	LÊ THỊ MỸ NGÂN	21/06/2004	x	10C8	
23	11B7	LƯU THANH NGÂN	16/05/2004	x	10C8	
24	11B7	PHẠM NGỌC NHƯ	01/12/2004	x	10C8	
25	11B7	PHẠM VĂN PHỤC	12/08/2004		10C8	
26	11B7	HỨA THIÊN THANH	14/09/2004	x	10C8	
27	11B7	PHẠM XUÂN THÀNH	27/03/2004		10C7	
28	11B7	TRẦN VÔ KIM THUẬN	04/11/2004	x	10C7	
29	11B7	TẠ LÝ THUẬN	09/06/2004		10C8	
30	11B7	NGUYỄN NGỌC MINH TRANG	08/08/2004	x	10C8	
31	11B7	BÙI DƯƠNG THANH TRÚC	07/08/2004	x	10C8	
32	11B7	PHẠM THỊ XUÂN TRÚC	20/07/2004	x	10C8	
33	11B7	NGUYỄN PHƯỚC TRUNG	25/11/2004		10C8	
34	11B7	TRẦN ANH TỬ	04/11/2004		10C8	
35	11B7	TRẦN NGUYỄN ANH TUẤN	03/01/2004		10C8	
36	11B7	PHẠM VÕ ANH TUẤN	30/11/2004		10C8	
37	11B7	LỈ HỒNG VŨ	04/03/2004		10C8	
38	11B7	NGUYỄN MỘNG ANH VY	27/11/2004	x	10C5	
39	11B7	LÊ NGUYỄN HẢI VY	15/07/2004	x	10C5	
40	11B7	BÙI THỊ KIM XUÂN	16/09/2004	x	10C5	